| **STT: 36** | **Họ và tên sinh viên: Lại Trần** | **Nhóm: 2** |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **xs:ID** | **xs:unique** |
| **So sánh theo từng tiêu chí** | | |
| Loại | Kiểu dữ liệu dựng sẵn. | Ràng buộc nhận dạng. |
| Phạm vi | Toàn bộ tài liệu XML. | Phạm vi cục bộ trong một tập hợp phần tử được chọn. |
| Tính tham chiếu | Có thể được tham chiếu bởi xs:IDREF và xs:IDREFS. | Có thể được tham chiếu bởi xs:keyref. |
| Hạn chế cú pháp | Phải là một tên hợp lệ (không chứa khoảng trắng hoặc dấu hai chấm). | Không có hạn chế về cú pháp. |
| Khi nào dùng | Dùng để tạo mã định danh duy nhất cho một phần tử hoặc thuộc tính. Thường được sử dụng để liên kết các phần tử khác nhau trong cùng một tài liệu. | Dùng để đảm bảo giá trị của một thuộc tính hoặc phần tử là duy nhất trong một phạm vi cụ thể. |
| **Đánh dấu X vào cột tương ứng** | | |
| Khóa chính toàn tài liệu | X |  |
| Khóa duy nhất theo phạm vi tùy chỉnh |  | X |
| Cục bộ trong phạm vi của phần tử cha |  | X |
| Toàn bộ tài liệu XML | X |  |
| Liên quan đến tính duy nhất | X |  |
| Kiểu dữ liệu dựng sẵn | X |  |
| Ràng buộc |  | X |